

III

LÝ DUYÊN KHỞI

(Paticca Samuppada)

NỘI DUNG

1. *Quy Luật Duyên Khởi Là Gì?*
2. *Luật Duyên Khởi Vận Hành Như Thế Nào?*
3. *Câu Hỏi Về Nguyên Nhân Đầu Tiên?*
4. *Duyên Khởi Là Khác Với Nguyên Nhân Trục Tiếp*
5. *Duyên Khởi Giải Thích Về Nguồn Gốc Khổ*
6. *Chiều Ngược Lại Hay Chiều Hoàn Diệt Của Lý Duyên Khởi Giải Thích Về Sự Chấm Dứt Khổ.*
7. *Lý Duyên Khởi Siêu Thế (Lokuttara Paticca Samuppada)*
8. *Ngọn Lửa Đi Về Đâu Sau Khi Tắt?*
9. *Chú Giải*
10. *Sách & Tài Liệu Tham Khảo*

I

Quy Luật Duyên Khởi Là Gì?

Lý Duyên Khởi còn được gọi là Quy Luật Duyên Khởi, vì đó là lý thuyết về quy luật tự nhiên, quy luật không thuộc về của riêng ai.

Còn gọi được gọi là học thuyết “*Sự Khởi-Sinh Tùy Thuộc*”, có nghĩa là mỗi một sự vật hay hiện tượng khởi sinh đều có nhân gây ra, tạo điều-kiện (duyên). Tùy thuộc vào các nhân và duyên mà một hiện tượng khởi sinh. (Và cũng tùy thuộc vào nhân và duyên mà một hiện-tượng biến mất).

Chuỗi hay vòng những yếu-tố ‘khởi-sinh tùy thuộc’ được gọi là Vòng Nhân-Duyên hay Thập Nhị (12) Nhân Duyên, vì trong thuyết này có 12 yếu tố giáp vòng, vừa là nhân cũng vừa là duyên của nhau, (nếu tính “*Vô Minh*” là một đơn vị nhân duyên - ND).

Ở đây, chúng ta gọi theo cách phổ biến là “Lý Duyên-Khởi”.

Theo quy luật này, mọi hiện tượng đều mang nguồn gốc của một hiện tượng khác trước nó. Quy luật này có thể được diễn tả một cách vắn tắt, nôm na là: “Vì có/ tùy thuộc vào cái này, nên có cái kia”. Một ví dụ đơn giản về lý Duyên Khởi trong tự nhiên như sau:

Vì có mây nên trời mưa.

Vì trời đã mưa, nên đường trở nên trơn ướt.

Vì đường trơn ướt, nên người đi bị ngã.

Vì người đó bị ngã nên người đó bị thương.

*Ở đây mưa khởi sinh là tùy thuộc có mây trên trời.
Đường trở nên trơn ướt là có do trời mưa xuống.
Sự té ngã của một người là do đường bị trơn ướt.
Sự bị thương của người đó là do sự té ngã.*

Ngược lại:

*Nếu không có mây trên trời, thì có lẽ đã không có mưa.
Nếu không có mưa, thì đường có lẽ đã không bị trơn ướt.
Nếu đường không bị trơn ướt, thì người đó không té ngã.
Và nếu không bị té ngã, thì người đó đã không bị thương.*

II

Luật Duyên Khởi Vận Hành Như Thế Nào?

Trong chuỗi sự kiện xảy ra, chúng ta thấy rằng một sự kiện tùy thuộc vào, là do một sự kiện trước đó xảy ra và tác động làm cho nó khởi sinh; và sau khi khởi sinh, nó lại tác động làm cho sự kiện sau xảy ra. Mỗi hiện tượng tự nhiên xảy ra trên thế gian này có thể được dựa vào một chuỗi tùy thuộc hay phụ thuộc lẫn nhau (tức là không bao giờ xảy ra một cách độc lập). Không có cái gì khởi sinh mà không có nguồn gốc hay nguyên nhân ban đầu của một sự kiện xảy ra trước nó. Sâu hơn, nếu không có một sự kiện xảy ra trước đó tác động hay làm điều kiện cho sự kiện này khởi sinh hay xảy ra, thì sự kiện này cũng không thể xảy ra, và để đến lượt nó tác động hay làm điều kiện cho một sự kiện sau nó xảy ra. Và cũng như vậy, quá trình cứ diễn ra liên tục.

Mọi hiện tượng, sự vật đều có thể được truy nguyên nguồn gốc nơi mà nó khởi sinh theo chiều từ dưới lên và mọi hiện tượng, sự vật cũng đều có thể truy tìm ra hiện tượng, sự kiện khác vì nó, tùy thuộc vào nó mà khởi sinh, theo chiều từ trên xuống.

Nói tóm lại, mọi sự vật hiện tượng xảy ra đều có thể được truy tìm lại nguồn gốc hay nhân của nó trước nó và cũng có thể truy ra hiện tượng sự vật khác là quả khởi sinh ra sau nó do tác động, do duyên của nó.

III

Câu Hỏi về Nguyên Nhân Đầu Tiên

Ở đây, sự nghi vấn có thể được đặt ra là: “Cái gì là **nguyên nhân đầu tiên** hay đến khi nào hay chỗ nào là nơi **nguyên nhân kết thúc?**”

Vào thời nguyên thủy, mọi người đều quan sát thấy những điều kỳ lạ xảy ra trong tự nhiên và luôn tò mò đi tìm những lời giải thích thỏa mãn. Tuy nhiên, vì không biết đến Quy Luật Duyên Khởi và vì sợ sệt những thế lực siêu nhiên, siêu thần, nên lẽ (cũng) tự nhiên là họ đã cố gắng giải thích bằng những niềm tin tín ngưỡng vào những vị thần hay nữ thần. Người nguyên thủy tin rằng khi gió nổi lên là vì thần Gió đang giao duyên hay đang chuẩn bị cưới bạn tình. Nếu khoa học chấp nhận kiểu giải thích này và không truy tìm nguyên nhân theo như Luật Duyên Khởi, thì chúng ta chắc đã không biết được gió hay bão (tức là sự chuyển động của không khí) chỉ là do sự chênh lệch về áp suất không khí ở những nơi khác nhau mà thôi.

Những sự giải thích về mê tín hay mang tính hữu thần vốn đã đặt dấu chấm hết cho những câu hỏi hay sự truy tìm một cách khoa học và tự do vào thời nguyên thủy. Bởi vì, (lại cũng là nguyên nhân theo lẽ tự nhiên!) lúc đó người ta không còn có thể hỏi được, ai tạo ra Thần Gió hay tùy thuộc vào cái gì hay do đâu mà có thần Gió. Ở đây, có nghĩa là câu hỏi này đã tuyệt đối ở quá xa phía trước của tri thức thời đó. (*Ý nói rằng, vào thời đó, tri thức hữu thần đã không theo kịp với lý Duyên Khởi khoa học rồi, thì làm sao có được tri thức để mà giải thích được nguyên nhân ban đầu là ai tạo ra Thần Gió – ND*).

Ngay cả Lý Duyên Khởi là một quy luật khoa học, (*chắc chắn đã và đang được áp dụng trong tất cả suy luận hay nghiên cứu về khoa học và kỹ thuật trên thế gian này –ND*), cũng không đặt vấn đề về “nguyên nhân đầu tiên”, bởi vì những ý niệm về cái “nguyên nhân đầu tiên” đã có nghĩa là chấm hết, tức đã hỏi vậy thì không còn những suy luận tiến bộ hay tiến xa hơn nữa vào việc khám phá quy luật tự nhiên rồi. (*Bởi vì, nếu cứ truy ngược và hỏi, thì mãi mãi không bao giờ tìm thấy nguyên nhân đầu tiên, vì sự khởi thủy của một nguyên nhân đầu tiên là một vấn đề không phải dễ dàng thấy được, dù quy luật đó là khoa học –ND*).

Về vấn đề nguồn gốc **khởi thủy của một chúng sinh**, Đức Phật đã nói rằng:

“*Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [saṃsāra] là không có điểm khởi đầu (vô thủy) có thể nhận biết được (là không thể khám phá được, không thể nghĩ bàn). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được*”.

IV

Lý Duyên Khởi Là Khác Với Nguyên Nhân Trực Tiếp

Quy luật tác nhân được hiểu bởi nhà triết học và những người khác thì nguyên nhân và kết quả (nhân và quả) là **hai sự việc khác biệt nhau**, cái này sản sinh ra cái kia. Theo lý Duyên Khởi, hai sự kiện không nên được xem là hai cái hoàn toàn khác biệt với nhau, bởi vì giữa chúng có một mắc nối liên hệ với nhau trong cùng một tiến trình, không có sự tách biệt hay sự ngăn cách giữa chúng. Trên thế gian, không bao giờ có một sự việc tồn tại độc lập một cách đơn lẻ, cô lập. Một nguyên nhân hay **một tác nhân tự bản thân nó không thể đứng một mình**.

Ví dụ:

Đất sét là nguyên nhân làm ra cái bình, như những nhà triết học thời Trung Cổ đã giả định. Đúng vậy, đất sét là cần thiết để làm ra cái bình, nhưng bản thân một mình đất sét thì không đủ để làm ra cái bình. Nếu không có nước (để nhào nặn), không có bàn xoay, thì không làm ra cái bình được. Không có ý định làm cái bình thì ngay cả có đủ những điều kiện cần nói trên cũng không có cái bình. Tất cả những yếu tố trên đều phải có đủ mới làm ra được cái bình. Nếu có một yếu tố nào không có, thì chắc chắn sẽ không có cái bình được làm ra. Vì vậy, sẽ không chính xác khi nói rằng đất sét là nguyên nhân làm ra cái bình. Dù có một cánh đồng đất sét ngoài kia, nhưng không liên quan gì đến sự ra đời của những cái bình. Người ta thậm chí phải đưa thêm rất nhiều yếu tố tác nhân khác mới làm ra gạch, ngói, vách nhà... Cách diễn đạt chính xác nhất là: “**Nhờ vào** (tùy thuộc vào, nhờ có, do có) **đất sét, cái bình được làm ra**”.

Vì vậy, đây là cách giải thích mọi hiện tượng một cách khoa học và mang tính lý lẽ của Quy Luật Duyên Khởi.

(Mở rộng thêm một chút, ngay cả đã đủ các yếu tố tác nhân là đất sét, nước, bàn xoay... và cả ý định làm cái bình, nhưng trong một quá trình phức hợp, chưa chắc đã làm ra được cái bình. Ví dụ, trong có vẻ hài hước nhưng hoàn toàn có thể xảy ra, trục bàn xoay bị ẩm ướt do thời tiết và tạo ma sát thường xuyên làm ảnh hưởng đến tốc độ vòng tua của bàn xoay, người thợ cuối cùng không thể làm ra cái bình cao để cắm hoa, mà chỉ có thể làm ra cái chén thấp. Nếu trục bàn xoay bình thường, thêm một thuận duyên, thì cái bình đã được làm ra. Nhưng trục bàn xoay bỗng nhiên không được bình thường, nghịch duyên, nên chỉ có thể làm ra cái chén. Điều-kiện trục bàn xoay là nghịch duyên đối với cái bình và lại là thuận duyên đối với cái chén, mặc dù ý chí của người thực hiện là làm ra cái bình.

Cũng với lý nhân duyên này mà một người trên bước đường tu tập gặp phải những nghịch duyên, chướng duyên làm cho mục tiêu không thể đạt được, nếu hiểu được quy luật tự nhiên này thì không thoái chí hay nản lòng, mà nên quán chiếu thêm về nhân duyên hay nghiệp báo). (ND)

V

Lý Duyên Khởi giải thích về Nguồn Gốc Khổ

Trong tất cả những giáo lý Phật giáo, không có vấn đề nào dễ bị ngộ nhận và hiểu lầm cho bằng lý Duyên Khởi, thể hiện bằng nhiều diễn dịch mâu thuẫn và vô lý. Trong nhiều trường hợp, người ta đã cố dùng lý Duyên Khởi để lý giải sự bắt đầu, sự khởi thủy của tất cả sự vật, và do người ta đã ‘thấy’ chỗ “**Vô Minh**” được xếp hàng như là “**nguyên nhân đầu tiên**” và bắt đầu từ đó theo dòng thời gian, tất cả sự sống tâm linh và vật chất (danh và sắc) được tiến hóa, tiến triển ra. Mặc dù Đức Phật đã dạy đi dạy lại một cách nhất quán rằng *sự khởi thủy của sự sống là không thể nghĩ bàn*, tất cả những suy đoán đó có thể làm người đời điên khùng; và làm sao, với tri thức thế tục, họ có thể *thấy được* thời điểm nào là lúc chưa có Vô Minh và Dục-vọng.

◆ Đức Phật đã giảng lý Duyên Khởi để làm gì?

Để cho con người thấy được **những nguyên-nhân & những điều-kiện** (nhân & duyên) tạo ra **Khổ** ngay trong hiện tại và tương lai, liên tục và liên tục. Chỉ có bằng cách dùng lý Duyên Khởi để biết được nguồn gốc và nguyên nhân của Khổ thì mới hy vọng diệt khổ được. Đức Phật đã thiển quán về sự chết, già và khổ, khi đó Phật truy nguyên ngược dòng theo chuỗi sự kiện của vòng Duyên Khởi.

■ “Công thức” truyền thống của vòng Duyên Khởi được trình bày như sau: (xem thêm **Chú Giải 1** ở cuối chương này):

- (1) *Vô-Minh làm khởi sinh Hành.*
- (2) *Hành làm khởi sinh Thức.*
- (3) *Thức làm khởi sinh Phần Danh-Sắc (tinh thần và vật chất).*
- (4) *Phần Danh-Sắc làm khởi sinh Sáu Cơ-Sở Tiếp-Xúc.*
- (5) *Sáu Cơ-Sở Tiếp-Xúc làm khởi sinh Tiếp-Xúc.*
- (6) *Sự Tiếp-Xúc làm khởi sinh Cảm-Giác.*
- (7) *Cảm-Giác làm khởi sinh Dục-Vọng.*
- (8) *Dục-Vọng làm khởi sinh Dính-Chấp.*
- (9) *Dính-Chấp làm khởi sinh Sự Hiện-Hữu (sự trở thành).*
- (10) *Sự Hiện-Hữu làm khởi sinh sự (tái) Sinh.*
- (11) *Sự Sinh-Ra làm khởi sinh sự Già-Chết...*

■ Nguyên bản tiếng Pali là:

- (1) *Avijja paccaya sankhara.*
- (2) *Sankhara paccaya vinnanam.*
- (3) *Vinnana paccaya Nama-rupam.*
- (4) *Nama-rupa paccaya Salayatana.*
- (5) *Salayatana paccaya Phasso.*
- (6) *Phassa paccaya Vedana.*
- (7) *Vedana paccaya Tanha.*
- (8) *Tanha paccaya Upadanam.*
- (9) *Upadana paccaya Bhavo.*
- (10) *Bhava paccaya Jati.*

(11) *Jati paccaya Jara-maranam*).

Bây giờ ta sẽ bắt đầu tìm hiểu từng chặng của vòng duyên khởi này.

(1) Già và Chết tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Tức là do đâu mà có già và chết?. **Già và chết tùy thuộc vào (do có) sự sinh-ra mà xảy ra.** Sau khi một người được sinh ra (*jati*), thì theo sau là sự già (*jara*), chết (*marana*). Điều này diễn ra là vì có một thực tại tốt cùng, một chân lý tốt cùng, đó là: **“Bản chất của mọi sự là khởi sinh (*uppada*), tồn tại (*thiti*), rồi sẽ hoại diệt (*bhanga*)”**. Nói cách khác: **“Cái gì có sinh là có diệt”**.

Sau khi khởi sinh, tồn tại và hoại diệt, thì chắc chắn một chu kỳ mới sẽ khởi sinh: **khởi sinh là Sinh ra, tồn tại là** (trụ, trưởng thành, và) **Già đi, và hoại diệt là Chết.** Vì vậy, như ai cũng biết rõ, sau khi sinh ra thì chắc chắn sẽ dẫn đến Già và Chết (sinh, lão, tử là không thể tránh được!).

Những sự kiện trong những chu kỳ hay vòng đời trên đây là những tác nhân ban đầu của một sự tái sinh mới. Và vì có tái sinh, nên theo sau là có buồn sầu (*soka*), ai oán than khóc (*parideva*), đau khổ (*dukkha*), phiền ưu (*domanassa*) và tuyệt vọng (*upayasa*) cũng khởi sinh theo.

Năm dạng “khô” này không phải là những hệ quả đầu tiên không thể tránh được của sự tái sinh mới nói trên. Mà chúng là những **hệ quả thứ cấp**, không phải là hệ quả tất yếu hay chính yếu của nhân tái sinh đó, và chúng có thể khởi sinh hay không là *tùy thuộc* những điều-kiện (duyên) khác nhau nữa.

Năm dạng “khổ” thứ cấp này không có mặt trong những chúng sinh thuộc cõi trời (Phạm Thiên, nơi đó không có những dạng khổ ‘thế gian’ như *sự buồn sâu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng*); và có lẽ chúng cũng không có mặt trong phôi thai chết trong buồng trứng hay trong một trứng.

(2) Sự Tái Sinh tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Tức là do đâu mà có Tái Sinh?. **Tái Sinh tùy thuộc vào (do có) “Trở Thành”** (*sự hình thành, sự hiện thành*) mà có. Tiến trình “Trở Thành” hay “hiện thành” bao gồm vào 2 dạng:

(1) **Quá Trình do Nghiệp** - (*kamma-bhava: nghiệp hữu, mang nghiệp*) là mặt chủ động của sự hiện-hữu; *Nghiệp là động lực dẫn dắt tạo ra tái sinh trong các cảnh giới luân-hồi. Nghiệp là những hành-động có tác ý, từ nghiệp tạo thành sức mạnh của nghiệp hay còn gọi là nghiệp lực.*

(2) **Quá Trình Tái Sinh** - (*uppatti-bhava*), là mặt thụ động, mặt “nghiệp-quả” của sự hiện-hữu.

Sự “**Trở Thành**” có nghĩa sự hữu nghiệp, sự mang nghiệp, quá trình Nghiệp tạo điều-kiện (duyên) cho sự tái-sinh. Từ nghiệp mà dẫn đến tái-sinh, có nghĩa là chừng nào còn tạo nghiệp, còn mang nghiệp là còn dẫn đến tái sinh. Nói cách khác, không có nghiệp dẫn là không có tái sinh. (ND)

Đức Phật đã từng dạy:

(1) *Những hành-động xấu (nghiệp bất thiện) dẫn đến tái sinh vào những tình trạng hay cảnh giới xấu (khổ đau);*

(2) Những hành-động tốt (**ngiệp thiện**) dẫn đến tái sinh vào những tình trạng hay cảnh giới tốt (hạnh phúc), về vật chất và tinh thần;

(3) Những hành-động điềm tĩnh, bất động (**ngiệp bất động - anenhabhi**) sẽ dẫn đến tái sinh vào cảnh giới vô-sắc.

Theo Đức Phật, tất cả chúng sinh đều mang nghiệp (*kamma*) của mình. Những sự tạo-tác cố-ý (hành) luôn xuất hiện trong từng hành-động, lời-nói và tâm-ý (thân, miệng, ý) của mỗi người.

Trong trường hợp một A-la-hán thì những hành-vi tạo-tác đó **không bị dính kèm bởi dục-vọng** trong mỗi sát-na tạo tác, thúc đẩy; và nó hoàn toàn biến mất, không để lại dấu vết và không còn bị chuyển thành nghiệp. Vì vậy, không có nghiệp thúc đẩy tái sinh đối với những vị A-la-hán.

Vậy là, theo nghĩa trên, ta càng hiểu ra **một điều quan trọng** rằng sự hiện-hữu do nghiệp hay nghiệp-hữu (*kamma-bhava*) chính là điều-kiện (duyên) thúc đẩy, làm ra sự tái-sinh. Trong suốt những chu kỳ hay những vòng luân hồi tái sinh, không có một cái ‘Ta’ hay ‘bản ngã’ hay một dạng ‘linh hồn’ nào được nhận thấy, ngoài những hiện tượng sinh, già, chết tùy theo điều-kiện (sinh diệt tùy duyên).

(3) Sự Trở Thành hay Nghiệp Hữu (*kamma-bhava*) tùy thuộc vào Nhân gì?

Tức là do đâu mà có sự Trở Thành ? **Tiến trình Trở Thành hay Nghiệp Hữu thì tùy thuộc vào (do có) sự Dính-**

Chấp mà có. Tất cả chúng sinh (ngoại trừ các bậc A-la-hán), đều dính chấp hay chấp thủ vào sự hiện-hữu và những khoái lạc giác quan (dục lạc).

Có 4 loại Dính-Chấp (*upadana*), đó là:

(1) Dính-chấp vào **dục-lạc** (*kamupadana*),

(2) Dính-chấp vào **quan-điểm này nọ** (tà kiến) (*ditthupadana*),

(3) Dính-chấp vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới cấm thủ) (*silabbatupadana*).

(4) Dính chấp vào **niềm tin vào một “bản ngã” hay ngã chấp** (*attupadana*).

Sự Dính-Chấp không thể làm điều-kiện (duyên) trực tiếp cho tiến trình tái-sinh. Nó chỉ làm điều-kiện cho sự tạo nghiệp mới, tiến trình nghiệp-hữu hay trở-thành. Khi một người dính chấp vào một điều gì đã bám chắc hay ăn sâu từ lâu, thì người đó thường hành động cách này hay cách khác để giữ chặt điều đó hay đối tượng đó. Và bằng cách hành động như vậy, tiến **trình tạo nghiệp mới**, tức quá trình “nghiệp hữu”, “trở thành” hay “hiện thành” đã xảy ra hay đã được thực hiện.

(4) Sự Dính Chấp (*upadana*) tùy thuộc vào Nhân gì?

Tức là do đâu mà có sự Dính-Chấp ? ***Sự Dính-Chấp thì tùy thuộc vào (do có) Dục-Vọng (tanha) mà có.*** Có 3 loại dục-vọng, đó là:

(1) Dục-vọng **Khoái-lạc giác-quan** (dục ái)

(2) Dục-vọng **muốn được Liên Tục Hiện Hữu** (hữu ái)

(3) Dục-vọng **Vì Không Liên Tục Hiện-Hữu** (phi hữu ái)

◇ Loại dục-vọng đầu tiên (1) là nhục-dục (*kama-tanha*) được gắn liền với 6 đối-tượng của giác-quan.

(Loại dục-vọng căn nguyên, cơ bản này đều có trong tất cả chúng sinh, làm mê đắm và dính mắc chúng sinh từ vô thủy. Nó được xem như là lý do để sống, là lẽ sống. Nhưng thật ra chính nó tạo nghiệp mỗi khi (và kéo theo) tái sinh, luân hồi sinh tử. Vì vậy, chỉ cần diệt sạch loại dục-vọng khoái lạc giác quan này, thì sẽ hết bị tái sinh luân hồi, như những bậc A-la-hán đã làm được. Đó là công thức mục tiêu giải thoát của Phật Giáo. (ND)

◇ Dục-vọng thứ hai (2) là dục-vọng muốn (**được liên tục**) hiện hữu (*bhava-tanha*): Nó cũng chính là một loại “nhục dục” thứ nhất, nhưng đi kèm với quan điểm về một “bản ngã”, quan điểm cho rằng có “**một linh hồn**” thường hằng, bất diệt trong kiếp này và chuyển qua kiếp khác.

(Loại dục-vọng này thúc đẩy con người cố tạo nhiều và hưởng thụ nhiều khoái lạc giác quan hay dục lạc trong kiếp này; và rất nhiều ý chí cố tạo được nhiều dục lạc, cảnh giới sung sướng cho cả kiếp sau, theo tư tưởng, ý chí của kiếp này). (ND)

◇ Và thứ ba (3) là dục-vọng vì không được liên tục hiện hữu (*vibhava-tanha*) trong viễn cảnh sau khi chết: Loại này cũng chứa toàn “Nhục dục” thứ nhất, nhưng đi kèm với quan điểm về sự không hiện hữu, không còn gì, sẽ bị hủy diệt sau khi chết. Quan điểm cho rằng chết là hết.

(Loại dục-vọng này thúc đẩy con người càng thêm tạo tác, cố sức tạo nhiều và thụ hưởng dục-lạc ngay trong kiếp sống này bằng mọi giá, bất chấp đạo lý, bất chấp tội lỗi, bất chấp sự tạo nghiệp, bởi vì những người này cho rằng sau khi chết là hết, làm gì có ‘linh hồn’ nào, cái ‘Ta’ nào đi chịu hình phạt hay quả báo cho những tội lỗi ở kiếp này. Trong thực tế, loại người có tư tưởng này là rất nhiều, điều đó được chứng minh bằng những tội ác lớn xảy ra hàng ngày trong cuộc sống trên khắp nơi của thế giới, chưa kể đến những tội lỗi tàn sát trong quá khứ cổ đại, cận đại và hiện đại). (ND)

- Như vậy Dục-vọng là 6 dạng tham muốn những đối-tượng khoái lạc của 6 giác-quan (theo bất kỳ nghĩa nào, tích cực hay tiêu cực), ví dụ như: mắt thích nhìn cảnh đẹp thiên nhiên lành mạnh hay cảnh đồi trụy thì đều được gọi chung là ham muốn (dục-vọng) khoái-lạc giác-quan (ở đây là nhãn quan). (ND).

- Ví dụ, một người mang dục-vọng thứ hai, “dục-vọng muốn được liên tục hiện-hữu”, tin vào ‘linh hồn’, ‘bản ngã’ kiếp sau, thường mơ đến cảnh giới sung sướng, thường tâm niệm, ao ước thậm chí trở thành con gái hay con trai ở kiếp sau, thì sẽ tạo nghiệp, và như nếu được trợ thêm duyên, có thể sẽ tái sinh vào cảnh giới hay tình trạng như hằng mong ước. Mà đã có tái sinh là có luân hồi và vẫn còn khổ, vẫn chưa chấm dứt khổ. (ND)

- Dục-vọng (*tanha*) cơ bản là sự thèm muốn, ham muốn có được, đạt được, lấy được những đối-tượng thỏa mãn giác-quan, trong khi đó dính chấp (*upadana*) khởi sinh hay tăng lên *sau khi* đã có được đối tượng.

Tất cả 3 loại Dính-Chấp khởi sinh là do kết quả của dục-vọng.

(a) Sự *dính chấp* vào dục lạc là khởi sinh từ dục-vọng khoái lạc giác quan.

(b) Sự *dính chấp* vào những quan điểm này nọ (tà kiến) về “con người” hay về cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ là khởi sinh từ sự nhận-lầm hay dính-chấp về một cái ‘Ta’ hay một ‘bản ngã’ hay một ‘linh hồn’ không có thực. Là quan-điểm cho rằng có một danh-tính ‘của ta’ (*thân kiến*).

(c) Sự *dính chấp* vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện, lễ nghi thờ cúng, mê tín (giới cấm thù) ... là khởi sinh từ tham muốn (dục-vọng) rằng ‘mình’, cái “Tôi” hay ‘bản thân của mình’ sẽ được gia hộ tốt hơn, được bảo hộ tốt hơn, bên cạnh sự mê lầm đầu tiên đã có sẵn về cái ‘ta’.

Vì vậy theo quan hệ nhân duyên thì chính *dục-vọng làm điều-kiện (duyên) để khởi sinh ra sự dính-chấp (thủ)*. Hay nói khác, sự dính-chấp là tùy thuộc vào và do có Dục-Vọng mà có. Điều này đã rõ ràng.

(5) Dục-vọng (*tanha*) tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Tức là do đâu mà có dục-vọng? *Dục-vọng thì tùy thuộc vào (do có) Cảm-Giác mà có*. Khi có cảm-giác dễ chịu (sướng, lạc thọ) thì sinh ra dục-vọng muốn hưởng thụ nó. Thậm chí ngay khi đang có cảm-giác đau đớn thì cũng khởi sinh ra dục-vọng, bởi vì do cảm-giác đau đớn có thể làm khởi sinh dục-vọng (mong muốn) nỗi đau sẽ biến mất và sẽ được thay thế bằng những thứ dễ chịu khác hay ít nhất là cảm-giác trung tính (không dễ chịu cũng không còn đau đớn).

Cảm-giác trung tính (*upekkha vedana*, xả thọ) là không phải dễ chịu (lạc thọ) cũng phải không khó chịu (khổ thọ), nhưng nó không phải là không có cảm-giác, không phải là một sự vô cảm, mà là một cảm-giác dễ chịu rất vi tế theo một chiều ‘tích cực’ là không có cảm-giác khó chịu, đau khổ, đau đớn.

(Nói cách khác, đối với lạc thọ thì nó chẳng là gì, nhưng nếu đem so sánh với khổ thọ thì xả-thọ chắc chắn sẽ mang lại cảm-giác “lạc thọ” theo một nghĩa rất tế nhị: bởi dù gì nó vẫn tốt hơn khổ thọ). (ND)

(6) Cảm-giác tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Tức là do đâu mà có cảm-giác. ***Cảm-giác thì tùy thuộc vào (do có) sự Tiếp Xúc (phassa) mà khởi sinh.*** Một khi có những đối-tượng của các giác-quan (*những hình-sắc nhìn thấy được, những âm-thanh, mùi-hương, mùi-vị, chạm-xúc và ý-nghĩ*) “chạm” tới các giác-quan (*như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm*) thì sẽ làm khởi sinh 6 loại Thức (*như thức nhìn thấy, thức nghe, thức ngửi, thức chạm xúc và thức suy nghĩ*) (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và tâm thức).

Khi kết hợp 3 thứ này (*Đối tượng giác quan + Sự xúc chạm của chúng với giác quan + Sự làm khởi sinh Thức*), chúng ta gọi chung là sự “*Tiếp Xúc*” (*phassa*), thì sẽ phát sinh Cảm-giác (*vedana*).

Sự Tiếp-Xúc (*phassa*) và Cảm-giác (*vedana*) khởi sinh cùng lúc, ngay khi khởi sinh Thức. Tuy nhiên, sự Tiếp-Xúc

(*phassa*) được coi là nhân và cảm-giác (*vedana*) được coi là quả.

- Tương ứng với 6 loại Thức, có 6 loại Tiếp Xúc và 6 loại Cảm-giác: Cảm-giác dễ chịu (lạc thọ), Cảm-giác khó chịu (khổ thọ), Cảm-giác trung tính (vô ký thọ, xả thọ), tùy thuộc vào bản chất của những đối-tượng của giác-quan (trần). Nếu đối-tượng là dễ chịu, thì khởi sinh cảm-giác dễ chịu (lạc thọ), nếu đối tượng là khó ưa, thì khởi sinh cảm-giác khó chịu (khổ thọ). Nếu đối-tượng là không dễ chịu không khó chịu, thì khởi sinh cảm-giác trung tính (xả thọ).

(7) Tiếp Xúc tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Tức là do đâu mà có Tiếp Xúc ? ***Sự Tiếp-Xúc thì tùy thuộc (do có) Sáu Cơ-Sở Tiếp Xúc (salayatana) mà có. Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (salayatana), đó là:***

1. Mắt & những đối tượng nhìn thấy được,
2. Tai & âm thanh,
3. Mũi & mùi hương,
4. Lưỡi & mùi vị,
5. Thân & những vật chạm xúc,
6. Tâm & đối tượng của tâm.

Không có sáu 6 cơ-sở tiếp-xúc này của những 6 giác-quan (sáu căn) và sáu đối-tượng của chúng (sáu trần) thì sẽ không khởi sinh Thức đối với những đối-tượng bên ngoài và những đối-tượng của tâm.

Xin nói lại, ở đây rõ ràng là tiến trình nhân-quả chứ không có một ‘con người’, hay ‘linh hồn’, hay ‘đấng sáng tạo’ nào

điều khiển tiến trình này cả. Quy luật tự nhiên bản thân nó là quy luật vận hành một cách tự nhiên.

(8) Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Tức là do đâu mà có Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc? *Sáu Cơ-Sở Tiếp-Xúc thì tùy thuộc vào (do có) phần Danh-Sắc mà khởi sinh.* Phần danh-sắc (*nama-rupa*) là gồm phần tinh thần và vật chất (có thể gọi là phần thân-tâm).

Sáu Cơ-Sở Tiếp-Xúc bao gồm **5 cặp** giác-quan thuộc thân & những đối-tượng của chúng, cùng với **1 cặp** giác-quan thuộc tâm (chính là tâm) & những đối-tượng của tâm. Hay nói cách khác, Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (lục nhập) bao gồm 6 giác quan (lục căn) & 6 đối-tượng tương ứng của chúng (lục trần).

“Tâm” ở đây là danh từ chung đại diện cho 89 hay 101 loại tâm thức (*citta*) như được giải thích trong **Vi Diệu Pháp** (*Abhidhamma*).

(9) Phần Danh-Sắc (*nama-rupa*) tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Do đâu mà có Danh Sắc? *Phần Danh-Sắc thì tùy thuộc vào (do có) Thức (*vinvanana*) mà khởi sinh.* Sự khởi sinh một thực thể sống bao gồm 2 phần thuộc vật chất và tinh thần (danh và sắc) thì tùy thuộc vào hay dựa vào **Thức Tái Sinh**, vì nếu không có Thức Tái Sinh thì sẽ không sinh ra phần vật chất và tâm thần trong bào thai (*chúng sanh có vú*), trong trứng (*loài bò sát, chim, cá*), hay trong những loài tự sinh

(như loài chúng sinh ở địa ngục, nga quỷ, chư thiên thân & trời).

Ở đây cũng không có một thực thể cái ‘Ta’ hay ‘linh hồn’ ngoài hiện tượng sinh vật lý khởi-sinh và biến-mất (sinh diệt) liên tục như vậy.

(10) Thức tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Do đâu mà có Thức? *Thức thì tùy thuộc vào (do có) Những Sự Tạo-Tác Cố Ý mà khởi sinh.* Những sự tạo-tác cố-ý (hành, *sankhara*) gồm có sự cố-ý của thân (thân hành), sự cố-ý của lời-nói (khẩu hành), và sự cố-ý của tâm (tâm hành). Ở đây, Thức có nghĩa là hàng loạt những thức khác nhau, bao gồm cả thức tái sinh là kết quả của **những sự tạo-tác cố-ý** được thực hiện trong kiếp sống trước. **Hành là nhân của Thức hay Thức là quả của Hành.** Chỗ này **rất quan trọng**, nhưng rất khó để hiểu ngay các “hành” vận động như thế nào để làm sinh ra thức tái-sinh.

Theo Đức Phật, sau khi Thức cuối cùng cùng với phần danh-sắc chấm dứt ngay khi chết, thì chính **Nghiệp (kamma) là nhân** làm sinh ra “Thức tái sinh” (là nghiệp quả, *vipaka*), cùng với phần danh-sắc mới, vốn dính nhiều ô-nhiễm.

Nếu không có sự hiểu-biết này thì dễ dẫn đến sự hiểu-lầm và quan-điểm sai lầm, đó là: Sự tin vào sự đầu-thai hay sự chuyển-kiếp của những ‘linh hồn’ (thường kiến), hay quan-điểm diệt vong, tức chết là hết (đoạn kiến). (*Cem thêm chi tiết ở Chương VI,3*).

(11) Sự Tạo-Tác Cố-Ý tùy thuộc vào Nhân gì mà khởi sinh?

Do đâu mà có các “hành”? *Hành thì tùy thuộc vào (do có) Vô-Minh (avijja) mà khởi sinh.*

Vô-Minh là sự ngu dốt, sự mê mờ, sự không biết rõ, không thấy rõ chân lý, không thấy được lẽ thật thế gian và bản chất đích thực của ‘con người danh sắc’ sinh diệt.

Theo một cách định nghĩa trong Kinh Tạng: *Vô Minh tức là sự không hiểu biết về Bốn Diệu Đế.*

Theo lý giải của “**Vi Diệu Pháp Tạng**” (*Abhidhamma*), thì có 8 đối-tượng quan trọng bị che mờ, bị bao phủ bởi “màn đêm” Vô-Minh, vì thế bản chất thực sự của chúng không được nhìn thấy hay nhận biết. Nói cách khác, vì do Vô Minh trong muôn kiếp luân hồi mà con người không thấy được tám (8) chân lý và lẽ thật của thế gian. Tám chân lý và lẽ thực quan trọng đó là gì?. Đó là:

1. Diệu Đế hay Chân lý về Khổ,
2. Nguồn-gốc Khổ,
3. Sự Chấm-dứt Khổ, và
4. Con-đường dẫn đến sự chấm dứt Khổ; và
5. Sự không hiểu biết về Quá Khứ,
6. Sự không hiểu biết về Tương Lai,
7. Sự không hiểu biết về Quá Khứ & Tương Lai,
8. Sự không hiểu biết về Lý Duyên-Khởi.

Những sự tạo-tác cố-ý (**hành**), dù là tốt hay xấu, thì **đều có nguồn gốc hay cội rễ từ Vô Minh**. Chúng được gọi là những sự tạo-nghiệp và tạo ra những nghiệp-nhân là nguyên

nhân để dẫn đến tái sinh, kéo dài thêm vòng luân hồi sinh tử (*samsara*).

Hành (*sankhara*) cũng giống như nghiệp hữu hay sự mang nghiệp (*kamma-bhava*) đã được giải thích ở mục thứ hai của Chương này, tức là mắc xích thứ hai của Vòng Duyên Khởi, theo ý nghĩa thì cả hai đều làm điều-kiện (duyên) thúc đẩy quá trình tái sinh. Sự khác nhau duy nhất là: **Hành** (*sankhara*) là nhân duyên thuộc về **quá khứ**, trong khi đó “**Sự mang nghiệp**” hay “**Nghiệp hữu**” (*kamma-bhava*) thì thuộc về ngay trong **hiện tại** – (Chú Giải 2).

Vì do “Vô Minh”, vì không biết được Nghiệp và Nghiệp Quả, người ta làm những hành động bất thiện nhằm mục đích ích kỷ, hưởng lạc!

Vì si mê cho rằng những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) và những khoái-lạc của những tầng thiền định (*jhana*) là những sự hạnh-phúc thật sự, nên mọi người thực hiện những việc bố thí, cúng dường (*dana*), giữ giới (*sila*) và thiền định (*bhavana*) để *nhằm mục đích* đạt được hạnh-phúc trong đời này và đời sau thông qua sự tái sinh để làm người, thiên thần hay làm trời Phạm Thiên ở cõi tiên bồng. Do vậy, do làm vậy, vì do si mờ vô minh, người ta tích lũy nhiều Nghiệp (*kamma*) hay “Hành” (*sankhara*) tốt và xấu, thiện và bất thiện.

Đây là cách cho chúng ta thấy rõ quy luật **Duyên Khởi** đã giải thích về chân lý, về sự thật về **Nguồn Gốc Khổ** như thế nào. Theo đạo Phật, khi nào Bốn Diệu Đế đã được hoàn-toàn hiểu, thì **Vô Minh** sẽ tự động bị xóa bỏ. Ánh sáng chân lý sẽ soi rọi cho chúng ta bước vào con đường chánh đạo.

Khi nói về nguyên-nhân của sự Vô Minh, Đức Phật đã dạy rằng nguồn gốc của Vô Minh không dễ dàng tìm thấy hay nhìn thấy được trong những vòng luân hồi sinh tử bất tận từ trong vô thủy.

VI

Chiều Ngược Lại Của Vòng Duyên Khởi Giải Thích Sự Chấm-Dứt Khổ

Thứ tự chúng ta vừa phân tích ở trên là “truy nguyên” để tìm ra nguyên nhân: Vì có yếu tố này nên có yếu tố kia. Bây giờ chúng ta lý giải theo chiều ngược lại hay còn gọi là chiều “Hoàn Diệt” của vòng duyên khởi như sau:

1. Nếu không có Vô Minh, thì không có Hành (những sự tạo-tác cố-ý).
2. Nếu không có Hành, thì không có Thức.
3. Nếu không có Thức, thì không có phần Danh-Sắc (những yếu tố vật chất và tinh thần của một thực thể sống).
4. Nếu không có phần Danh Sắc, thì không có Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc (Lục nhập).
5. Nếu không có Sáu Cơ Sở Tiếp Xúc, thì không có sự Tiếp Xúc.
6. Nếu không có sự Tiếp Xúc, thì không có Cảm-giác (thọ).
7. Nếu không có Cảm-giác, thì không có Tham Muốn hay Dục-vọng (ái).
8. Nếu không có Dục-vọng, thì không có Dính-chấp (thủ).
9. Nếu không có Dính-chấp, thì không có sự Trở Thành (hiện thành, hiện hữu).
10. Nếu không có sự Trở-Thành thì không có Tái Sinh.

11. Nếu không có Sinh-Ra, thì không có Già, Chết và Khổ Đau.

► Vì sao phải lý giải theo chiều hoàn diệt? Ý nghĩa về đạo và tu tập ở đây đang được thể hiện. Vì sao? Vì nếu tìm được mắc xích nào trong Vòng Duyên Khởi để ‘chặt đứt’ nó thì sẽ cắt đứt được vòng Duyên Khởi là nguyên nhân tạo ra luân hồi tái sinh. (ND)

Đây là cách giải thích về Chân lý về sự **Chấm Dứt Khổ** bằng lý **Duyên Khởi**. Khi một người đã hoàn toàn nắm vững về Bốn Diệu Đế, người đó trở thành một A-la-hán (Arahant). Hoàn-toàn hiểu hay chứng ngộ Bốn Diệu Đế là hết vô-minh. Một A-la-hán là người đã hết Vô Minh, thì vòng mắc xích Duyên Khởi (sự liên tục hiện-hữu) đã bị chặt đứt và không còn tái sinh, không còn Khổ.

◆ Ví dụ đơn giản như là: Nếu không nhìn ngó **tiếp xúc** với những cảnh trần (như sắc đẹp, thức ăn ngon, quyền lực...), thì đâu có sinh ra **cảm-giác** sướng; và nếu không có cảm-giác khoái lạc hay sướng thì không sinh ra sự thèm-muốn hay **dục-vọng** để có được những thứ khoái lạc đó; và nếu không có dục-vọng thì đâu ai phải bị **dính-chấp** vào nó, làm nô lệ cho nó; thì đâu có **mang nghiệp** hay tạo nên sự trở-thành này trở thành nợ, thì sẽ không bị sinh ra để sống trong thế gian đầy mọi sự khổ và vô thường. Như vậy, nếu chọn ngay mắc xích dục-vọng, thì chỉ cần từ bỏ được dục-vọng, quét sạch, diệt sạch mọi dục-vọng (diệt dục), thì sẽ không còn khởi sinh những mắc xích khác của vòng Duyên Khởi, và vì vậy không còn tái sinh, không còn phải sinh vào một cõi hiện-hữu nào nữa.

Đây cũng là mục-tiêu của việc tu hành. Sự ‘lánh trần’, sự từ bỏ dục-vọng, kiểm soát 6 giác quan, phòng hộ 6 căn khỏi chạm bầy tiếp xúc và khoái lạc. Những bậc giác ngộ và thánh nhân đã làm được và đã từ bỏ và làm tắt ngấm dục-vọng.
(ND)

VII

Lý Duyên Khởi Siêu Thế

(*Lokuttara Paticca Samuppada*)

Cần phải nắm rõ rằng Đức Phật đã giảng dạy nguyên lý “Duyên Khởi” là để cho mọi người thấy được những nguyên-nhân và điều-kiện (**Nhân và Duyên**) mà thông qua đó Khổ đã phát sinh ra, bây giờ và sau này. Chỉ có thông qua cách biết nguồn gốc và nguyên nhân của Khổ thì mới diệt được Khổ!

Việc không nắm vững điểm quan trọng này, đã dẫn đến sự diễn dịch một cách suy đoán về lý Duyên Khởi bởi những người Đại Thừa, kết quả là họ đưa đến một học thuyết khác và cho rằng nó đại diện cho giáo lý đích thực của Đức Phật. Độc giả có thể đã thường nghe học thuyết về Tánh Không, một lý thuyết phức tạp do ngài Long Thọ được dựa vào sự diễn dịch của riêng ngài về lý Duyên Khởi, phủ nhận sự tồn tại của tất cả mọi hiện tượng trên thế giới, cho rằng tất cả chỉ là Không. Tuy nhiên, cho đến khi học thuyết lớn này của ngài thậm chí cũng phủ nhận sự tồn tại, sự hiện hữu của thế giới tùy thuộc lẫn nhau, tương quan tương tức, thì bản thân học thuyết này đã không còn tự bảo vệ được nữa.

Thật ra ‘tánh không’ của vạn vật chỉ là không thường hằng, không cố định, luôn luôn thay đổi tùy theo nhân duyên, theo điều kiện, tùy theo sự sinh diệt của những yếu tố nhân duyên.

Sau đó, anh em ngài Asanga (Vô Trước) và Vasubandhu (Thế Thân) đã cho ra đời một học thuyết thứ hai là Yogacara (Du Già), phủ nhận cái “Không” triệt để của mọi sự vật mà

học thuyết Tánh Không đã giảng luận. Nếu mọi sự vật đích thực đều là trống Không, thì bằng cách nào tâm (tâm trí) nhận thức được tánh Không đó? Thuyết Du Già giảng rằng bản thân một sự vật đứng riêng nó không phải vốn là trống không: mà chính là Thức mới là Không. Đối với họ, cái thật sự tồn tại trong thế giới nhân duyên tùy thuộc lẫn nhau là Thức “gốc”, được gọi là **Tàng Thức** hay **A-lại-ya-thức**, nó cũng vận hành theo lý Duyên Khởi trong vòng Duyên Khởi. Tuy nhiên, Thức cơ bản mang tính chất Nhân Duyên tùy thuộc và do đó cũng được cho là Không luôn!

Bây giờ có thể nhận ra rằng những đại học thuyết lớn của Đại Thừa mang đầy tính hùng biện chẳng qua cũng chỉ là nói về các “Hành” (những sự tạo-tác cố-ý), đó chỉ những diễn dịch suy đoán một cách hư vô vô ích không mang lại sự chấm dứt Khổ. Những quan điểm đó chẳng khác mấy với những quan điểm suy diễn siêu hình của những du sĩ khổ hạnh ngày xưa, mà Đức Phật thường tỏ thái độ im lặng chứ không trả lời, bởi vì chúng chẳng mang lại lợi lạc, không giúp gì đến việc tu tập để chấm dứt đau khổ hay để giác ngộ. Những câu hỏi siêu hình ngày đó dựa vào những phỏng đoán, suy diễn như là: (1-2) thế giới tồn tại bất diệt hay không?, (3-4) Thế giới là vô hạn hay không?, (5-6) Linh hồn có là một với thể xác hay không?, (7-8) Như Lai (a) sẽ tồn tại, (b) sẽ không tồn tại, (c) sẽ vừa tồn tại vừa không tồn tại, và (d) không tồn tại cũng không phải không tồn tại, sau khi chết?

VIII

Ngọn Lửa Sẽ Đi Về Đâu Sau Khi Tắt? Giác Ngộ Có Nghĩa Là Gì?

Mặc dù Đức Phật đã nhiều lần quở trách, nhưng đã có rất nhiều tu sĩ, thậm chí cho đến tận ngày hôm nay, luôn luôn suy nghĩ, suy diễn hay suy đoán Đức Phật đã về đâu, hay đang ở đâu, sau khi Bát-Niết-Bàn. Điều này cũng giống như hỏi ngọn lửa đã đi về đâu sau khi tắt vậy. Những người nấu bếp hay những đầu bếp sẽ không bao giờ lãng phí thời gian để hỏi những câu hỏi vô bổ như vậy. Họ chỉ đơn giản thay bình ga mới và bắt lửa mới lên bởi vì bình ga cũ đã hết ga và không còn bắt được thành lửa nữa.

Tương tự vậy, khi Vô Minh (*avijja*) đã được nhổ sạch tận gốc, thì sẽ không còn nguồn ‘năng lượng’ nào để mà thức dậy tái sinh. Theo quy luật Duyên Khởi, khi không còn yếu tố vật chất và tinh thần, tức phần danh-sắc, nào khởi sinh sau *Bát-Niết-Bàn* của các vị Phật và các vị A-la-hán, bởi vì các vị đó đã nhổ tận sạch gốc Vô Minh, nguyên nhân và nguồn gốc gây ra tái sinh và đau khổ!

Trong học thuyết này về Duyên Khởi, Đức Phật đã định nghĩa một cách rõ ràng ý nghĩa của sự **giác ngộ**. **Đó là sự bừng sạch tận gốc Vô Minh** bằng con đường đạo tu chứng đến A-la-hán vô sinh (*Arahatta Magga*). Điều này có nghĩa là chỉ có những vị Phật Duyên Giác (*Pacceka*) và những vị A-la-hán là những bậc giác ngộ thực sự.

Nhiều người viết ngày nay vẫn dùng từ “giác ngộ” một cách rất lỏng lẻo và tự do, khác với cách diễn đạt rõ ràng và kỹ càng của kinh điển. Nếu cẩn thận, điều này sẽ mang nhiều

lợi ích cho nhiều độc giả, vì còn rất nhiều người vẫn không hiểu được ai là những bậc giác ngộ.

Trong Bộ Kinh Vừa, tức Trung Kinh Bộ (*Majjhima* 63), kinh “*Culamunkya Sutta*”, Đức Phật đã dùng ví dụ về một người trúng mũi tên độc để diễn tả cách của một người khôn ngoan là cách gì để thoát khỏi vòng luân hồi (*samsara*):

“Có Sinh, có Già, có Chết, có sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng; Có sự chãm-dứt mà ta đã giảng dạy nhiều lần”.

Trong Bộ Kinh Liên Kết, tức Tương Ứng Kinh Bộ (*Samyutta*), Đức Phật cũng đã nói lại với ngài A-nậu-lâu-đà (*Anuradha*) rằng:

“Cả trước và bây giờ, này Anuruddha, đó chỉ là những sầu khổ và sự dập tắt sầu khổ như ta đã tuyên thuyết”.

Trong khi cách áp dụng thứ nhất của “Lý Duyên Khởi” là giải quyết **nguyên nhân khởi sinh Khổ**, bắt đầu từ Vô Minh (*avijja*)... thì cũng có cách áp dụng thứ hai để giải quyết những nguyên nhân khởi sinh Khổ để chãm dứt Khổ ngay từ trong chính sự Khổ. Nói cách khác: “*Sự diệt Khổ không nằm ngoài Khổ, mà nằm chính bên trong Khổ!*”.

IX

Chú Giải

(Chú Giải 1):

Theo trật tự truyền thống, quy luật **Duyên Khởi** (*Paticca Samuppada*) được ghi và đọc thuộc như sau theo tiếng Hán-Việt:

- (1) Vô Minh duyên (làm khởi sinh) Hành.
- (2) Hành duyên Thức.
- (3) Thức duyên Danh Sắc.
- (4) Danh Sắc duyên Lục Nhập.
- (5) Lục Nhập duyên Xúc.
- (6) Xúc duyên Thọ.
- (7) Thọ duyên Ái.
- (8) Ái duyên Thủ.
- (9) Thủ duyên Hữu.
- (10) Hữu duyên Sanh.
- (11) Sanh duyên Lão-Tử.

(Chú Giải 2):

Sankhara (Hành) có nghĩa là những sự tạo-tác cố-ý, do ý chí tạo tác, đó là những sự cố-ý (tư, *cetana*) tạo nghiệp và tái sinh. Hành có nghĩa là *những sự tạo nghiệp*. Có 3 loại tâm hành, đó là:

(a) **Punnabhi-sankhara**: Hành thiện. Hành tạo nghiệp ở cảnh sắc-giới và những tầng thiên định sắc-giới (*rupa jhana*) dẫn đến tái sinh ở những cảnh giới tốt, sung sướng như người, những thiên thần (*deva*) và những cảnh giới thuộc cõi trời Phạm Thiên (*brahma*).

(b) **Apunnabhi-sankhara**: Hành bất thiện. Hành tạo nghiệp dẫn đến tái sinh ở những cảnh giới xấu và đau khổ như súc sinh, địa ngục, nga quỷ.

(c) **Anenjabhi-sankhara**: Hành bất động. Hành tạo nghiệp ở cảnh giới vô-sắc giới và những tầng thiền định vô-sắc (*arupa jhana*) dẫn đến tái sinh ở 4 cảnh giới vô-sắc giới.

Trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), hành (*sankhara*) đại diện cho 29 loại nghiệp (*kamma*) gắn liền với: 08 Thức thiện của cõi sắc giới, 05 Thức của tầng thiền định sắc-giới (*jhana*), 12 Thức bất thiện và 14 Thức và 4 cảnh giới thiền (*jhanas*) Vô Sắc giới. Như vậy, hành (*sankhara*) và nghiệp hữu (*kamma-bhava*) chính là một, là giống nhau, chỉ có điều hành thuộc về kiếp sống **quá khứ**, còn nghiệp-hữu thì thuộc **tương lai**.

▪ **Lưu ý**:

Theo “**Vi Diệu Pháp**”, thì Thức cũng chính là Tâm (*citta*). Nên Thức và Tâm là một theo nghĩa là cái tâm ô-nhiễm và sinh diệt

Sắc (HV) nghĩa là vật chất, có hình sắc, hữu hình. (1) Sắc giới có nghĩa là cảnh giới có vật chất, có hình sắc (như cõi trời sắc giới, cảnh giới Trời, Phạm Thiên...). (2) Vô-sắc giới có nghĩa là cảnh giới không có vật chất, phi vật chất, không có hình sắc (như cõi Không vô biên xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ...). (3) Cảnh giới còn lại là Dục-giới, tức cảnh giới còn trong dục-vọng chi phối, như cảnh giới người, địa ngục, Atula, súc sanh, ngạ quỷ.

X

Sách & Tài Liệu Tham Khảo

- (1) **“The Buddha-Dhamma”** (Giáo Pháp Của Đức Phật), tác giả Bhikkhu Jagdish Kasyapa M.A.
- (2) **“A Discourse on Paticcasamuppada”** (Bài Thuyết Giảng Về Duyên Khởi), tác giả ngài Mahasi Sayadaw, Miến Điện, dịch qua tiếng Anh bởi U Aye Maung, Tháng 3, 1982.
- (3) **“The Essence of Buddha Abhidhamma”** (Cốt Lõi Của Vi Diệu Pháp Tạng của Đức Phật), Chương VIII, Duyên Khởi), tác giả Tiến sĩ Mehm Tin Mon. Xb bởi Mehm Tay Zar Mon, Yadanar Min Literature, 15/19 U Wisara Qr., Dagon, Yangon.